

Số: 80/2021/QĐST -HNGĐ

Tuy An, ngày 06 tháng 12 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 167/2021/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa;

Nguyên đơn: Anh Ngô Thành A, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thu D, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.
Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Ngô Thành A và chị Trần Thị Thu D

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Anh A được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Trần Bảo T, sinh ngày 25/6/2018, anh A không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung; Chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và

giáo dục cháu Ngô Trần Bảo T, sinh ngày 25/11/2020, chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A và chị D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu D có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Ngô Thành A 04 (Bốn) chỉ vàng y loại 9999. Anh A được nhận 04 (Bốn) chỉ vàng y loại 9999 do chị D thanh toán, về khoản chênh lệch chia tài sản chung.

(Giá vàng tại thời điểm hòa giải là 5.250.000 đồng/ chỉ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

-Về án phí: Nguyên đơn anh A thỏa thuận tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí HNGĐ- ST, và 525.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 03791 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh A còn phải nộp 375.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã An H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Bình

